

PHÒNG
KIỂM THỬ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: 24211MH110901611

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung

Ngày thi: 01/04/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: Nguyễn Tiến Dũng

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Giám thị 3: Đào Thị Hồng Hạnh

Giám thị 4:

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên:

Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005					C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006					C26LG1	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006					C26LG1	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006					C26LG1	
5	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006					C26TC	
6	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006					C26LG1	
7	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006					C26TC	
8	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004					C26LG1	
9	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006					C26LG1	
10	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005					C26LG1	
11	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006					C26TC	
12	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006					C26TC	
13	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006					C26LG1	
14	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006					C26TC	
15	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003					C26TC	
16	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006					C26LG1	
17	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006					C26LG1	
18	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006					C26LG1	
19	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006					C26LG1	
20	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006					C26TC	
21	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006					C26TC	
22	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006					C26TC	
23	2410120030	Vi Thị Ngọc	15/03/1995					C26TC	
24	2410120009	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	20/10/2000					C26TC	
25	2410120012	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/11/2006					C26TC	
26	2410120022	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/05/2006					C26TC	
27	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006					C26LG1	
28	2410150020	Lê Hữu Nhật	19/10/2005					C26LG1	
29	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004					C26TC	
30	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006					C26TC	
31	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006					C26LG1	
32	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006					C26LG1	
33	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006					C26LG1	
34	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006					C26TC	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	Thuan				C26LG1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

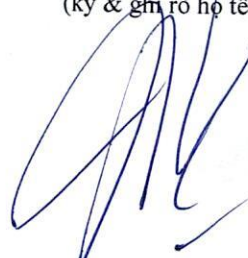
Tổng số sinh viên dự thi: 35 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 35 / .

Số sinh viên đạt: Tỷ lệ đạt: %

Ngày 07 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

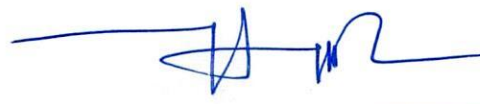
(ký & ghi rõ họ tên)


 phạm quang hằng

Ngày 01 tháng 4 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


 phạm minh trung

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tin học

Mã bài thi: WL3ZQ2

Thời gian thi: 01/04/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 01/04/2025 10:30:00

Giám thị 1: Ng. Tiến Dũng Ký tên: [Chữ ký]

Giám thị 2: Lương Ng. Hòa Ký tên: [Chữ ký]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	<u>[Chữ ký]</u>	5.2	Năm, hai	C26LG1	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	<u>[Chữ ký]</u>	5.4	Năm, bốn	C26LG1	
3	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7	Bảy	C26LG1	
4	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.8	Tám, tám	C26LG1	
5	2410120004	Đinh Lê Kim Chi	22/01/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TC	
6	2410150004	Nguyễn Đạt	29/07/2006	<u>[Chữ ký]</u>	5.2	Năm, hai	C26LG1	
7	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6.8	Sáu, tám	C26LG1	
8	2410120025	Phạm Quỳnh Duy	21/01/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TC	
9	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	<u>[Chữ ký]</u>	9.4	Chín, bốn	C26LG1	
10	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	<u>[Chữ ký]</u>	7.8	Bảy, tám	C26LG1	
11	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6.2	Sáu, hai	C26LG1	
12	2410120016	Đỗ Thị Ngọc Hân	30/10/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6.6	Sáu, sáu	C26TC	
13	2410120020	Võ Thị Hồng Hạnh	27/07/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C26TC	
14	2410120023	Võ Thị Kim Hồng	01/08/2006	<u>[Chữ ký]</u>	9.2	Chín, hai	C26TC	
15	2410120028	Phan Văn Kha	23/12/2003	<u>[Chữ ký]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26TC	
16	2410150030	Nguyễn Thanh Khiêm	14/10/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26LG1	
17	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6.8	Sáu, tám	C26LG1	
18	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26LG1	
19	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.8	Tám, tám	C26LG1	
20	2410120027	Nguyễn Khánh Linh	21/06/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6.6	Sáu, sáu	C26TC	
21	2410120008	Phan Ánh Linh	19/12/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.6	Tám, sáu	C26TC	
22	2410120007	Võ Trúc Ly	23/04/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7.8	Bảy, tám	C26TC	
23	2410120030	Vi Thị Ngọc	15/03/1995	<u>[Chữ ký]</u>	5	Năm	C26TC	
24	2410120009	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	20/10/2000	<u>[Chữ ký]</u>	8.8	Tám, tám	C26TC	
25	2410120012	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/11/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6.8	Sáu, tám	C26TC	
26	2410120022	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/05/2006	<u>[Chữ ký]</u>	5.4	Năm, bốn	C26TC	
27	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6.2	Sáu, hai	C26LG1	
28	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	<u>[Chữ ký]</u>	5	Năm	C26LG1	
29	2410120026	Hà Lê Thành Phát	04/05/2004	<u>[Chữ ký]</u>	8.4	Tám, bốn	C26TC	
30	2410120014	Nguyễn Minh Quyền	04/08/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7.8	Bảy, tám	C26TC	
31	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26LG1	
32	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6	Sáu	C26LG1	
33	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	<u>[Chữ ký]</u>	7.4	Bảy, bốn	C26LG1	
34	2410120013	Lê Minh Thuận	05/05/2006	<u>[Chữ ký]</u>	8.8	Tám, tám	C26TC	
35	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	<u>[Chữ ký]</u>	6.6	Sáu, sáu	C26LG1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đồng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 35

Số sinh viên đạt: 35

Ngày 01 tháng 4 năm 2025

Ngày 01 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)


phạm quang lâm

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


phạm minh trung



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: 24211MH110901611

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung

Ngày thi: 01/04/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Phạm Quang Sáng

Ký tên:

Giám thị 2: Lê Thành Huy

Ký tên:

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006					C26TC	
2	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003					C26LG1	
3	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006					C26TC	
4	2410120003	Phùng Thị Thủy Tiên	23/07/2005					C26TC	
5	2410030016	Dương Minh Tiến	04/06/2006					C26TC	
6	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006					C26TC	
7	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn Trinh	06/10/2006					C26TC	
8	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trinh	15/11/2006					C26TC	
9	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006					C26TC	
10	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005					C26LG1	
11	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006					C26LG1	
12	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006					C26LG1	
13	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/5/2006					C26TC	
14	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006					C26LG1	
15	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006					C26TC	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 15 vắng thi: 15 . Số bài thi/Số tờ: 15 / _____.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 01 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Sáng

Ngày 01 tháng 4 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 2 - Năm học 2024-2025

Môn học: Tin học

Mã bài thi: RT2PP5

Thời gian thi: 01/04/2025 09:30:00

Thời gian kết thúc: 01/04/2025 10:30:00

Giám thị 1: Phạm Quang Sang Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: Lê Thái Hưng Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410120024	Trần Hoàng Anh Thư	13/12/2006	<u>[Signature]</u>	3.4	Ba, bốn	C26TC	
2	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C26LG1	
3	2410120010	Trương Thanh Thùy	17/05/2006	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C26TC	
4	2410120003	Phùng Thị Thủy Tiên	23/07/2005	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TC	
5	2410030016	Dương Minh Tiến	04/06/2006	<u>[Signature]</u>	4.4	Bốn, bốn	C26TC	
6	2410120018	Nguyễn Huỳnh Trâm	16/09/2006	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C26TC	
7	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn Trinh	06/10/2006	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C26TC	
8	2410120011	Huỳnh Thị Thúy Trinh	15/11/2006	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C26TC	
9	2410120021	Huỳnh Thanh Trúc	27/08/2006	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C26TC	
10	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C26LG1	
11	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C26LG1	
12	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C26LG1	
13	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C26LG1	
14	2410120005	Nguyễn Thị Thuý Vy	30/05/2006	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C26TC	
15	2410120017	Nguyễn Thị Như Ý	24/04/2006	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C26TC	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 15

Số sinh viên đạt: 14

Ngày 01 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

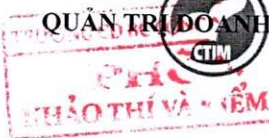
[Signature]
Phạm Quang Sang

Ngày 01 tháng 4 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Phạm Minh Trung



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: 24211MH110901611 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu	An	09/10/2005	C26LG1		6,0	Sau phải làm	
2	2410150015	Nguyễn Nhật	An	18/10/2006	C26LG1		9,0	Chín phải làm	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	14/05/2006	C26LG1		8,0	Tám phải làm	
4	2410150016	Lê Trần Gia	Bảo	14/08/2006	C26LG1		8,0	Tám phải làm	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc	Diệu	22/10/2006	C26LG1		5,5	Năm phải làm	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	20/10/2004	C26LG1		9,0	Chín phải làm	
7	2410150004	Nguyễn	Đạt	29/7/2006	C26LG1		7,5	Bảy phải làm	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng	Gia	09/01/2005	C26LG1		8,0	Tám phải làm	
9	2410150022	Trần Gia	Hân	26/08/2006	C26LG1		7,0	Sáu phải làm	
10	2410150021	Lê Bá Đăng	Khoa	18/12/2006	C26LG1		9,0	Chín phải làm	
11	2410150023	Phạm Anh	Khôi	23/10/2006	C26LG1		6,5	Sáu phải làm	
12	2410150013	Võ Thị Kiều	Lam	20/11/2006	C26LG1		9,5	Chín phải làm	
13	2410150011	Phạm Thị Yến	Nhi	22/09/2006	C26LG1		6,5	Sáu phải làm	
14	2410150020	Lê Hữu	Nhật	19/10/2005	C26LG1		7,5	Bảy phải làm	
15	2410150024	Nguyễn Minh	Tấn	02/05/2006	C26LG1		7,5	Bảy phải làm	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc	Thảo	27/10/2006	C26LG1		7,5	Bảy phải làm	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch	Thảo	31/10/2006	C26LG1		7,5	Bảy phải làm	
18	2410010013	Ngô Thiên	Thuận	10/11/2006	C26LG1		8,0	Tám phải làm	
19	2410150002	Lê Anh	Thư	19/01/2003	C26LG1		10	Mười	
20	2410150029	Trần Thị Thanh	Trúc	22/07/2005	C26LG1		9,5	Chín phải làm	
21	2410150025	Ông Thị Mỹ	Tú	25/10/2006	C26LG1		6,0	Sáu phải làm	
22	2410150006	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	23/04/2006	C26LG1		6,5	Sáu phải làm	
23	2410150017	Phạm Ngọc Đan	Vy	23/08/2006	C26LG1		8,5	Tám phải làm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 . Số bài thi: 23 / 23 .

Ngày 17 tháng 8 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Ngọc Đan

Ngày 18 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: 24211MH110901611 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150008	Nguyễn Ngọc Thu An	09/10/2005	C26LG1	A2	4,5	Bốn phần năm	
2	2410150015	Nguyễn Nhật An	18/10/2006	C26LG1	Chn	5,0	Năm phần ch	
3	2410150026	Hoàng Lâm Quốc Bảo	14/05/2006	C26LG1	Bao	6,0	Sáu phần ch	
4	2410150016	Lê Trần Gia Bảo	14/08/2006	C26LG1	gao	6,0	Sáu phần ch	
5	2410150014	Nguyễn Ngọc Diệu	22/10/2006	C26LG1	H	5,0	Năm phần ch	
6	2410010001	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	20/10/2004	C26LG1	me	7,0	Bảy phần ch	
7	2410150004	Nguyễn Đạt	29/7/2006	C26LG1	D	7,0	Bảy phần ch	
8	2410150028	Lê Trần Hoàng Gia	09/01/2005	C26LG1	Gia	6,0	Sáu phần ch	
9	2410150022	Trần Gia Hân	26/08/2006	C26LG1	R	5,0	Năm phần ch	
10	2410150021	Lê Bá Đăng Khoa	18/12/2006	C26LG1	Khoa	5,0	Năm phần ch	
11	2410150023	Phạm Anh Khôi	23/10/2006	C26LG1	ky	4,5	Bốn phần năm	
12	2410150013	Võ Thị Kiều Lam	20/11/2006	C26LG1	la	5,5	Năm phần năm	
13	2410150011	Phạm Thị Yến Nhi	22/09/2006	C26LG1	yn	6,0	Sáu phần ch	
14	2410150020	Lê Hữu Nhựt	19/10/2005	C26LG1	Phuoc	5,5	Năm phần năm	
15	2410150024	Nguyễn Minh Tấn	02/05/2006	C26LG1	Tan	6,0	Sáu phần ch	
16	2410150018	Nguyễn Ngọc Thảo	27/10/2006	C26LG1	Th	6,5	Sáu phần năm	
17	2410150009	Phạm Thị Thạch Thảo	31/10/2006	C26LG1	Th	6,0	Sáu phần ch	
18	2410010013	Ngô Thiên Thuận	10/11/2006	C26LG1	thuan	5,5	Năm phần năm	
19	2410150002	Lê Anh Thư	19/01/2003	C26LG1	Anh	6,0	Sáu phần ch	
20	2410150029	Trần Thị Thanh Trúc	22/07/2005	C26LG1	thuc	5,5	Năm phần năm	
21	2410150025	Ông Thị Mỹ Tú	25/10/2006	C26LG1	Th	4,5	Bốn phần năm	
22	2410150006	Nguyễn Hồ Phương Uyên	23/04/2006	C26LG1	Uy	4,5	Bốn phần năm	
23	2410150017	Phạm Ngọc Đan Vy	23/08/2006	C26LG1	vy	5,5	Năm phần năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 23 vắng thi: 0 Số bài thi: 23 / 23

Ngày: 10 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Bình

Ngày: 11 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 24211MH110901611 Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	<i>IClu</i>	8,0	Tạm phải học	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	<i>P</i>	10	Mười	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	<i>Hanh</i>	8,5	Tạm phải học	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	<i>Hân</i>	8,5	Tạm phải học	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	<i>Hong</i>	9,5	Chín phải học	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	<i>Phan</i>	8,0	Tạm phải học	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	<i>Lin</i>	6,5	Sáu phải học	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC	<i>Phan</i>	7,5	Bảy phải học	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC	<i>Ly</i>	8,0	Tạm phải học	
10	2410120030	Vi Thị	Ngọc	15/03/1995	C26TC	<i>Vi</i>	6,0	Sáu phải học	
11	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC	<i>H</i>	8,0	Tạm phải học	
12	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC	<i>Nh</i>	9,0	Chín phải học	
13	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC	<i>Nh</i>	7,5	Bảy phải học	
14	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	<i>H</i>	8,5	Tạm phải học	
15	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC	<i>Quyên</i>	8,5	Tạm phải học	
16	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	<i>L</i>	9,0	Chín phải học	
17	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	<i>Th</i>	8,5	Tạm phải học	
18	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	<i>Th</i>	7,0	Bảy phải học	
19	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC	<i>Th</i>	6,5	Sáu phải học	
20	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	<i>Tien</i>	8,5	Tạm phải học	
21	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	<i>T</i>	8,5	Tạm phải học	
22	2410120029	Đinh Hoàng Đoàn	Trinh	06/10/2006	C26TC	<i>Tr</i>	8,0	Tạm phải học	
23	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006	C26TC	<i>Tr</i>	10	Mười	
24	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	<i>Tr</i>	7,5	Bảy phải học	
25	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	<i>V</i>	8,0	Tạm phải học	
26	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	<i>Y</i>	7,0	Bảy phải học	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quốc Cường

Ngày 18 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Minh Cường



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: 24211MH110901611 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410120004	Đinh Lê Kim	Chi	22/01/2006	C26TC	Ich	5,5	Nếu phải làm	
2	2410120025	Phạm Quỳnh	Duy	21/01/2006	C26TC	D	7,0	Bảng phải làm	
3	2410120020	Võ Thị Hồng	Hạnh	27/07/2006	C26TC	thanh	9,0	Chín phải làm	
4	2410120016	Đỗ Thị Ngọc	Hân	30/10/2006	C26TC	han	7,0	Bảng phải làm	
5	2410120023	Võ Thị Kim	Hồng	01/08/2006	C26TC	học	9,0	Chín phải làm	
6	2410120028	Phan Văn	Kha	23/12/2003	C26TC	ph	7,0	Bảng phải làm	
7	2410120027	Nguyễn Khánh	Linh	21/06/2006	C26TC	kh	7,5	Bảng phải làm	
8	2410120008	Phan Ánh	Linh	19/12/2006	C26TC	anh	8,5	Tám phải làm	
9	2410120007	Võ Trúc	Ly	23/04/2006	C26TC	ly	6,5	Sáu phải làm	
10	2410120030	Vi Thị	Ngọc	15/03/1995	C26TC	vi	5,0	Nếu phải làm	
11	2410120009	Hoàng Thị Ánh	Nguyệt	20/10/2000	C26TC	h	5,5	Nếu phải làm	
12	2410120012	Nguyễn Thị Yến	Nhi	05/11/2006	C26TC	nk	6,0	Sáu phải làm	
13	2410120022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/05/2006	C26TC	no	6,5	Sáu phải làm	
14	2410120026	Hà Lê Thành	Phát	04/05/2004	C26TC	phat	4,5	Bốn phải làm	
15	2410120014	Nguyễn Minh	Quyên	04/08/2006	C26TC	qu	5,5	Nếu phải làm	
16	2410120013	Lê Minh	Thuận	05/05/2006	C26TC	thua	5,5	Nếu phải làm	
17	2410120010	Trương Thanh	Thùy	17/05/2006	C26TC	thuy	8,5	Tám phải làm	
18	2410120024	Trần Hoàng Anh	Thư	13/12/2006	C26TC	th	7,5	Bảng phải làm	
19	2410120003	Phùng Thị Thủy	Tiên	23/07/2005	C26TC	tie	8,0	Tám phải làm	
20	2410030016	Dương Minh	Tiến	04/06/2006	C26TC	ti	5,0	Nếu phải làm	
21	2410120018	Nguyễn Huỳnh	Trâm	16/09/2006	C26TC	tr	5,5	Nếu phải làm	
22	2410120029	Đinh Hoàng Đoan	Trinh	06/10/2006	C26TC	tr	7,5	Bảng phải làm	
23	2410120011	Huỳnh Thị Thúy	Trinh	15/11/2006	C26TC	tr	6,5	Sáu phải làm	
24	2410120021	Huỳnh Thanh	Trúc	27/08/2006	C26TC	th	8,5	Tám phải làm	
25	2410120005	Nguyễn Thị Thuý	Vy	30/5/2006	C26TC	v	5,0	Nếu phải làm	
26	2410120017	Nguyễn Thị Như	Ý	24/04/2006	C26TC	y	6,0	Sáu phải làm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 0. Số bài thi: 26 / 26.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Loan

Ngày 11 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Minh Trang





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN - lần 2

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: 24211MH110901611 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006	C26LG1		6,0	Sau phải học	
2	2410150003	Đỗ Bá	Luân	05/12/2004	C26LG1				
3	2410150019	Nguyễn Hữu	Trí	30/07/2006	C26LG1		8,5	Tạm phải học	
4	2410150012	Trần Thanh	Tú	13/05/2006	C26LG1		5,0	Nam phải học	SV nghỉ học

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 01 . Số bài thi: 03 / 03 .

Ngày: 18 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

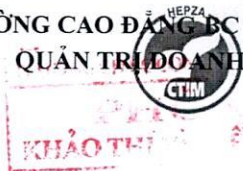
Phạm Quang Hải

Ngày: 18 tháng 01 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ *Lần 2*

Học kỳ 2 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: 24211MH110901611 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Phạm Minh Trung - (01017)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410150030	Nguyễn Thanh	Khiêm	14/10/2006	C26LG1	<i>Khiêm</i>	5,0	Ưu điểm	
2	2410150003	Đỗ Bá	Luân	05/12/2004	C26LG1				
3	2410150019	Nguyễn Hữu	Trí	30/07/2006	C26LG1	<i>Trí</i>	6,0	Sau phải	
4	2410150012	Trần Thanh	Tú	13/05/2006	C26LG1				

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 02 . Số bài thi: 02 / 02 .

Ngày 10 tháng 3 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Cường

Ngày 11 tháng 3 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung